

PHỤ LỤC SỐ 03
ĐIỀU CHỈNH BẢNG GIÁ ĐẤT SỐ 4 - GIÁ ĐẤT Ở TẠI
THỊ XÃ DUY TIÊN
(Kèm theo Quyết định số 35/2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2024
của UBND tỉnh)

A. ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT

I. TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG QUỐC LỘ

1. Đường Quốc lộ 38

1.1. Đường Quốc lộ 38 – Điều chỉnh đổi tên thành đường Nguyễn Tất Thành.

1.3. Đường Quốc lộ 38 mới (đoạn tránh Hòa Mạc từ Vực Vòng đến cầu Yên Lệnh) – Điều chỉnh đổi tên thành đường Nguyễn Tất Thành.

2. Đường Quốc lộ 37B (đường tỉnh lộ ĐT493 cũ) – Điều chỉnh đổi tên thành đường Lý Nhân Tông

II. TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG TỈNH LỘ

2. Đường ĐT493 - Điều chỉnh đổi tên thành đường Lý Nhân Tông

III. GIÁ ĐẤT Ở TẠI CÁC PHƯỜNG, XÃ

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

Stt	Tên phường, khu vực, đường, phố và ranh giới khu vực giá	Giá đất
1	Phường Đồng Văn	
a	Khu vực 1	
	Đường Nguyễn Hữu Tiến (Quốc lộ 38): Đoạn từ chân cầu Vượt đến giáp phường Yên Bắc.	15.000
	Đường Phạm Ngọc Nhị (ĐT498C): Đoạn từ QL.1A đến giáp phường Duy Minh	7.500
	Đường Đinh Tiên Hoàng (QL.1A): Thuộc địa bàn phường Đồng Văn	5.500
	Đường Độc Lập trên địa bàn phường Đồng Văn	7.000
b	Khu vực 2	
	Đường Nguyễn Hữu Tiến (QL.38 mới): Đoạn từ đường gom QL.1A đến giáp phường Duy Minh	4.000
	Đường Nguyễn Hữu Tiến: Đoạn đường gom từ QL.1A đến hết cầu vượt về phía Đông (phía Bắc Cầu vượt)	4.000
	Phố Tố Hữu: Trục đường cảnh quan khu đô thị mới Đồng Văn	5.500
	Phố Nguyên Phi Ý Lan: Đường từ khu quy hoạch Đài tưởng niệm đến hết đường 36m vào sân vận động Đồng Văn	5.500
	Phố Nguyễn Nghĩa Thọ: Đường 22m nối từ thửa 94, PL30 đến thửa 211, PL31	5.000

	Phố Dương Văn Nội: Đường từ QL.38 vào khu đô thị mới (từ giáp thửa 269, PL12 đến thửa 57, PL30)	4.000
	Đường Nguyễn Văn Ninh: Đường vào Khu công nghiệp Đồng Văn.	5.000
	Phố Bùi Đình Thảo: Đường 22m phía Đông khu đất sân vận động Đồng Văn (giáp với khu tái định cư tổ dân phố Vực Vòng).	5.500
	Phố Nam Cao: Đường phía Nam khu đất sân vận động Đồng Văn và phố Hồ Xuân Hương (đường 18m phía Bắc sân vận động Đồng Văn)	4.500
c	Khu vực 3	
	Đường Đinh Công Tráng (đường ĐH11): Từ QL.38 đến giáp phường Duy Minh	3.500
	Đường Bạch Thái Bưởi: Trục kết nối QL.38 với QL.21B đến giáp phường Tiên Nội	4.000
	Đường ĐH10: Từ giáp Quốc lộ 38 đến hết địa phận phường (giáp phường Bạch Thượng)	3.500
	Đường vào Xí nghiệp đông lạnh (cũ)	3.000
	Các đường còn lại trong khu đô thị mới	3.000
	Các đường còn lại trong Khu đô thị HDT	3.000
	Các đường còn lại trong khu đất sân vận động Đồng Văn	3.000
d	Khu vực 4	
	Đường trục chính trong các khu đất tái định cư, hỗ trợ 7% phục vụ giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp Đồng Văn 3	2.200
	Đường trục chính tổ dân phố Đồng Văn và Ninh Lão, Phạm Văn Đồng	2.000
	Các trục đường còn lại trong tổ dân phố Đồng Văn, Ninh Lão, Phạm Văn Đồng và trong khu tập thể trại giống lúa	1.500
	Đường trục tổ dân phố Sa Lao (<i>địa phận xã Tiên Nội cũ</i>): Từ hộ ông Thản thửa 127, PL01 đến chùa Sa Lao và hộ ông Phú thửa 01, PL01 (<i>BĐDC xã Tiên Nội cũ</i>)	1.800
2	Phường Hòa Mạc	
a	Khu vực 1	
	Đường Nguyễn Tất Thành: Đoạn từ sân vận động Hoà Mạc đến hết thửa đất số 31, tờ PL8 (hộ ông Thảo), thửa đất số 95, tờ PL7 (hộ ông Thành).	12.000
	Đường Nguyễn Tất Thành: Từ thửa 63, tờ số 3 (hộ ông Khánh); khu đường gom (tổ dân phố số 4) đến giáp xã Trác Văn	9.000
	Đường Nguyễn Tất Thành: Đoạn từ giáp phường Yên Bắc đến sân vận động Hoà Mạc	6.000
	Đường Nguyễn Tất Thành: Từ hộ bà Ngân (đầu cầu Giát, PL27, thửa 52) đến giáp xã Chuyên Ngoại	5.000
b	Khu vực 2	

	Đường Võ Nguyên Giáp (địa bàn phường Hoà Mạc)	4.500
	Đường Trần Bình Trọng: Đoạn từ giáp QL.38 đến hộ ông Cân (PL06, thửa 66)	5.000
c	Khu vực 3	
	Các trục phố chính trong Khu đô thị Hoà Mạc: Lê Quý Đôn, Nguyễn Thành Lê, Cao Bá Quát, Trần Quốc Vượng	4.000
	Phố Nguyễn Công Thành	3.500
	Các đường còn lại trong Khu đô thị Hòa Mạc	3.000
	Đường Lý Nhân Tông: Từ trụ sở UBND thị xã đến giáp xã Yên Nam	3.000
	Đường Đào Văn Tập: Từ hộ ông Sửu (PL9, thửa 40) đến hộ ông Dũng (PL14, thửa 97)	3.000
	Đường Trần Bình Trọng: Đoạn từ cổng I4-15 đến giáp phường Châu Giang	3.000
	Đường từ chợ Hòa Mạc đến hết Trung tâm y tế thị xã	3.000
	Đường Châu Giang: Từ giáp đường ĐH01 đến cầu Nông Giang (giáp phường Châu Giang)	3.000
	Đường Lũng Xuyên	3.000
d	Khu vực 4	
	Đường Đào Văn Tập: Từ giáp hộ ông Dũng (PL14, thửa 97) đến giáp xã Trác Văn	1.700
	Các trục đường chính của phố còn lại và trục đường chính khu đất hỗ trợ 7%	1.500
	Các trục đường tổ dân phố Quan Nha, Trại Quan Nha (chuyển từ xã Yên Bắc cũ sang)	1.200
	Các trục đường tổ dân phố Chuyên Mỹ	1.000
	Trục đường chính nội bộ khu đất đấu giá phía Đông đường ĐH01 (giáp phường Châu Giang)	1.700
	Trục đường chính nội bộ khu đất đấu giá và đất hỗ trợ 7% tổ dân phố Phúc Thành - phía Tây đường ĐH01 (giáp phường Châu Giang)	1.500
	Đường trong khu tái định cư dự án đường tránh QL.38 tổ dân phố số 1	1.500
3	Phường Tiên Nội	
a	Khu vực 1	
	Đường Bạch Thái Bưởi	3.000
	Đường Lê Tung	3.500
	Trục đường chính đất 7% (khu vực các tổ dân phố Trung Hòa B, Kim Hòa, Ngô Tân)	2.500
	Đường Trương Minh Lượng	3.500

	Đường trong Khu đô thị Đại học Nam Cao (Đường ĐH06 cũ): Từ đầu đường giáp xã Tiên Ngoại đến hết địa phận phường Tiên Nội (giáp phường Hoàng Đông)	3.000
b	Khu vực 2	
	Các trục đường đô thị (trục đường xã cũ)	2.500
c	Khu vực 3	
	Các đường đô thị còn lại (đường thôn cũ).	1.500
4	Phường Bạch Thượng	
a	Khu vực 1	
	Đường ĐH 10: Từ giáp phường Đồng Văn đến giáp đường D1 (tổ dân phố Thần Nữ)	3.000
	Đường Võ Văn Kiệt, D1, các khu tái định cư trên địa bàn phường	4.000
	Đường ĐH10B cũ: Đoạn từ hộ bà Thành (PL10, thửa 20) tổ dân phố Giáp Nhất đến Nhà văn hóa tổ dân phố Giáp Nhất	2.000
	Đường Hoành Uyển: Từ giáp phường Yên Bắc đến giáp phường Duy Minh	2.000
b	Khu vực 2	
	Đường trục (đường xã cũ): - Từ hộ ông Viện (PL10, thửa 11) đến hộ ông Thông (PL9, thửa 214) tổ dân phố Giáp Nhất	2.000
	Các trục đường thuộc tổ dân phố Giáp Nhất: - Từ hộ ông Cẩn (PL10, thửa 68) đến hộ ông Phúc (PL9, thửa 47) tổ dân phố Giáp Nhất - Từ giáp hộ ông Hải (PL10, thửa 62) đến hộ ông Trường (PL10, thửa 88) tổ dân phố Giáp Nhất	1.800
	Trục đường: Từ giáp hộ ông Động (PL9, thửa 215) đến hộ ông Học (PL9, thửa 306) tổ dân phố Giáp Nhất	1.800
	Trục đường: Từ hộ bà Lan (PL1, thửa 37) tổ dân phố Ngũ Nội đến hộ ông Huy (PL4, thửa 299) tổ dân phố Giáp Nhì	1.800
c	Khu vực 3	
	Các trục đường tổ dân phố còn lại	1.000
5	Phường Duy Minh	
a	Khu vực 1	
	Đường Nguyễn Hữu Tiến (địa bàn xã Duy Minh)	8.500
	Phố Nguyễn Tri Phương	5.000
	Đường Đinh Công Tráng (địa bàn phường Duy Minh)	3.500
	Đường Đinh Tiên Hoàng: Đoạn từ giáp phường Đồng Văn đến giáp dốc tổ dân phố Tú	4.500
	Đường Đinh Tiên Hoàng: Đoạn từ dốc tổ dân phố Tú đến hết địa giới phường Duy Minh giáp thành phố Hà Nội.	4.000

	Đường Duy Tân (thuộc địa bàn phường Duy Minh)	3.500
	Đường Phạm Ngọc Nhị (ĐT 498C): Thuộc địa bàn phường Duy Minh	5.000
b	Khu vực 2	
	Đường trục phường: Từ hộ ông Lương (PL7, thửa 293) đến giáp hộ ông Quang - Hoài (PL7, thửa 271).	2.000
	Trục đường: Từ hộ ông Mùi (PL7, thửa 143) đến hộ ông Phương (PL7, thửa 209) (đường xã cũ)	2.000
	Trục đường: Từ hộ ông Quýnh (PL5, thửa 9) tổ dân phố Tú đến Chùa tổ dân phố Tú (đường xã cũ)	2.000
	Trục đường: Từ giáp hộ ông Anh (PL1, thửa 36) đến Trạm bơm tổ dân phố Ngọc Thị (đường xã cũ)	2.000
	Trục đường: Từ hộ bà Thật tổ dân phố Ngọc Thị đến thửa đất số 56, PL 02 (Đất UB) (đường xã cũ)	2.000
	Trục đường đê Sông Nhuệ: Từ đầu tuyến đến hết địa phận phường Duy Minh giáp phường Hoàng Đông	2.000
	Đường ĐH10B: Từ giáp phường Bạch Thượng đến Quốc lộ 1A	2.500
	Đường Trần Quyết (địa bàn phường Duy Minh)	1.300
6	Phường Duy Hải	
a	Khu vực 1	
	Đường Nguyễn Hữu Tiến (địa bàn phường Duy Hải)	8.500
	Trục đường chính Khu đô thị Đồng Văn Xanh (đường Đặng Thùy Trâm): Đường 42m (đoạn từ Bệnh viện Quốc tế Đồng Văn đến vị trí quy hoạch Trường tiểu học)	6.500
	Trục đường trong Khu đô thị Đồng Văn Xanh 17.5m (hướng Đông - Tây) (đường Nguyễn Tri Phương) nối tiếp đoạn đường giáp phường Duy Minh đến giáp huyện Kim Bảng	5.000
	Trục đường Khu Đô thị Đồng Văn Xanh (đường Nguyễn Thượng Hiền): Đoạn nối từ đường ĐT 498C (tổ dân phố Chuông, phường Duy Minh) đến QL.38 phường Duy Hải	4.000
	Đường Duy Tân (thuộc địa bàn phường Duy Hải)	4.000
	Đường Ngô Quyền: Từ hộ ông Thạo (PL13, thửa 70) đến kho lương thực	1.200
b	Khu vực 2	
	Đường Trần Khánh Dư	700
	Trục đường: Từ trạm điện tổ dân phố Tứ Giáp (đầu tuyến đường) đến giáp đường QL.1A	600
	Từ cổng làng tổ dân phố Đông Hải giáp hộ ông Minh (PL08, thửa 236) đến giáp đường Ngô Quyền	600
c	Khu vực 3	

	Đường Ngô Quyền: Từ cổng Kho dự trữ Quốc gia (thửa 16, PL12) đến giáp phường Duy Minh (thửa 2, PL03).	600
	Các trục đường tổ dân phố còn lại	750
7	Phường Hoàng Đông	
a	Khu vực 1	
	Đường Đinh Tiên Hoàng (thuộc địa bàn phường Hoàng Đông).	5.000
	Đường Trương Minh Lượng địa phận tổ dân phố Hoàng Hạ	2.000
	Đường Trần Quyết tổ dân phố Hoàng Thượng: Từ giáp Quốc lộ 1A đến hộ ông Phụng (PL10, thửa 15)	1.500
b	Khu vực 2	
	Đoạn đường thuộc tổ dân phố Ngọc Động gồm: Đường Trần Quyết (Từ giáp phường Duy Minh đến Trường tiểu học) và trục đường phía Tây tổ dân phố Ngọc Động	900
	Đoạn đường thuộc tổ dân phố Bạch Xá: Từ giáp Quốc lộ 1A đến hết giếng làng (PL5, thửa 149)	3.000
	Các trục đường phố chính còn lại thuộc tổ dân phố Bạch Xá (trục đường thôn cũ)	1.500
	Đoạn đường thuộc tổ dân phố Hoàng Thượng: Đường Trần Quyết (từ Trường tiểu học đến giáp hộ ông Phụng (PL10, thửa 15) và đường trục chính tổ dân phố Hoàng Thượng; đường phía Đông tổ dân phố lên cụm công nghiệp; đường trục xóm trại tổ dân phố Hoàng Thượng (trục đường thôn cũ)	900
	Đoạn đường thuộc tổ dân phố Hoàng Lý (trục đường thôn cũ) và đường Trương Minh Lượng (đoạn từ khu đất hỗ trợ 7% tổ dân phố Hoàng Lý đến thành phố Phủ Lý)	900
	Đường Lê Tung	3.500
8	Phường Châu Giang	
a	Khu vực 1	
	Đường Võ Nguyên Giáp (thuộc địa bàn phường Châu Giang)	4.500
	Đường Trần Bình Trọng: Từ giáp phường Hòa Mạc đến giáp đường Võ Nguyên Giáp	5.000
	Đường Trần Quang Khải: Từ giáp phường Hòa Mạc đến giáp đường Võ Nguyên Giáp	
	Đường Trần Bình Trọng: Từ ngã ba trường mầm non tổ dân phố Đông Ngoại đến ngã ba tổ dân phố Đoài	4.000
	Đường Châu Giang: Từ đầu cầu Chợ Lương đến cầu Nông Giang (giáp phường Hòa Mạc)	4.000
b	Khu vực 2	
	Đường Trần Quang Khải - đoạn còn lại: Từ giáp đường Võ Nguyên Giáp đến giáp đường Trần Bình Trọng	4.000

	Đường Trần Bình Trọng: Từ giáp đường Võ Nguyên Giáp đến ngã ba trường mầm non tổ dân phố Đông Ngoại	4.000
	Đường Trần Bình Trọng: Từ ngã ba tổ dân phố Đoài đến hết địa phận phường Châu Giang (giáp xã Mộc Bắc)	3.000
	Đường Lý Trần Thản: Từ ngã ba trường mầm non tổ dân phố Đông Ngoại đến Công nghĩa trang liệt sỹ	1.000
	Đường Lý Trần Thản: Từ ngã ba tổ dân phố Tây Duyên Giang đến Chùa tổ dân phố Tây Duyên Giang	1.000
	Trục đường chính nội bộ khu đất đầu giá phía Đông đường Trần Bình Trọng (giáp phường Hòa Mạc)	1.500
	Trục đường chính nội bộ khu đất hỗ trợ 7% tổ dân phố Phúc Thành	1.000
	Đường Trần Thuần Du: Từ giáp đường Võ Nguyên Giáp đến đường Trần Quang Khải	1.000
c	Khu vực 3	
	Các trục đường còn lại (trục đường xã, thôn còn lại cũ)	750
9	Phường Yên Bắc	
a	Khu vực 1	
	Đường Nguyễn Tất Thành: Từ giáp phường Đồng Văn đến đường Lũng Xuyên	12.000
	Khu vực còn lại đường Nguyễn Tất Thành (từ đường Lũng Xuyên đến giáp phường Hoà Mạc)	8.000
	Đường Võ Nguyên Giáp (địa bàn phường Yên Bắc)	4.500
	Đường Lũng Xuyên: Từ giáp đường Nguyễn Tất Thành đến kênh I48.1 (thửa 53, PL4)	4.500
	Đường Lũng Xuyên: Từ giáp Kênh I48.1 (thửa 53, PL4) đến hết địa phận phường Yên Bắc (giáp phường Hoà Mạc)	3.000
b	Khu vực 2	
	Đường Trương Minh Lượng (trên địa bàn phường Yên Bắc)	2.000
	Trục đường thuộc tổ dân phố Đôn Lương: Từ giáp đường Lũng Xuyên đến hộ ông Tỉnh (thửa 234, PL17)	5.000
	Tuyến còn lại thuộc tổ dân phố Đôn Lương: Từ hộ ông Tỉnh (thửa đất số: 234, PL17) đến hết địa phận phường Yên Bắc (giáp phường Tiên Nội) (trục đường thôn cũ)	2.500
	Đường Hoành Uyển (địa bàn phường Yên Bắc)	2.500
	Các trục đường thuộc các tổ dân phố: Vũ Xá; Lương Xá; Chợ Lương (trục đường xã cũ).	2.000
	Đường dọc kênh I48 nối từ đường Nguyễn Tất Thành đến giáp phường Tiên Nội	3.500
	Trục đường tổ dân phố Bùi: Từ Giếng Bùi đến hết khu đất dịch vụ 7%	2.500

10	Xã Mộc Nam	
c	Khu vực 3	
	Các trục đường thôn, xóm còn lại	550
11	Xã Chuyên Ngoại	
a	Khu vực 1	
	Đường Đào Văn Tập: Từ hộ ông Hiền (thửa 178, PL23) đến xã Trác Văn.	2.000
	Đường ĐH02: Từ ngã ba Hàng đến phà Yên Lệnh cũ	3.000
	Đường trục chính khu đất hỗ trợ 7%	2.500
b	Khu vực 2	
	Đường trục thôn Quan Phố: Từ QL.38 đến nhà văn hóa thôn	1.800
	Đường trục thôn Quan Phố: Từ QL.38 đến hộ ông Phong (PL13, thửa 16)	1.200
	Đường trục thôn Từ Đài: Từ QL.38 đến hộ ông Trãi (PL02, thửa 26)	1.200
	Đường trục thôn Điện Biên: Từ hộ ông Thi (PL6, thửa 114) đến Trường trung học cơ sở	1.200
	Đường trục thôn Yên Mỹ: Từ đường ĐH02 đến hộ ông Dương (PL9, thửa 163) thôn Yên Mỹ	850
c	Khu vực 3	
	Các đường trục thôn, xóm còn lại.	650
12	Xã Trác Văn	
a	Khu vực 1	
	Các đường dọc chính vào Khu đô thị Hòa Mạc (đường 20,5m, đường 27m, đường 45m): Từ giáp QL.38 đến đường 24m	4.000
	Các đường còn lại trong Khu đô thị Hòa Mạc	3.000
	Đường Đào Văn Tập: Giáp phường Hoà Mạc đến hết địa giới xã Trác Văn giáp xã Chuyên Ngoại	2.000
c	Khu vực 3	
	Các trục đường thôn còn lại.	600
	Các đường nội bộ còn lại trong khu đất dịch vụ (vị trí từ cửa ông Giới xuống khu vực Trường cấp 1B cũ)	600
13	Xã Mộc Bắc	
a	Khu vực 1	
	Đường ĐH01: Từ Nhà máy gạch Mộc Bắc đến hết địa phận xã Mộc Bắc (giáp phường Châu Giang).	1.600
b	Khu vực 2	

	- Đường trục xã: Từ hộ ông Dành thôn Hoàn Dương (PL12, thửa 01) đến hết tuyến đường xã, hộ ông Chính thôn Yên Bình (PL19, thửa 09). - Đường trục xã: Từ hộ ông Hiệu thôn Yên Bình (PL14, thửa 216) đến hết tuyến đường xã, hộ ông Thiệu thôn Yên Hoà (PL16, thửa 29). - Đường trục xã: Từ hộ ông Tài thôn Yên Bình (PL14, thửa 109) đến hết tuyến đường xã, hộ bà Tốt thôn Yên Bình (PL13, thửa 29). - Đường trục xã: Từ hộ ông Biên thôn Hoàn Dương (PL01, thửa 06) đến hết tuyến đường xã, hộ bà Huệ thôn Hoàn Dương (PL01, thửa 59).	1.000
14	Xã Tiên Ngoại	
a	Khu vực 1	
	Đường Bạch Thái Bưởi	2.000
	Từ hộ ông Tùng thôn Doãn (PL7, thửa 244) đến hộ ông Phẩm (PL7, thửa 190) Khu đất hỗ trợ 7% (dãy giáp đường D1- Khu đô thị Đại học Nam Cao)	1.200
	Đường ĐH06: Từ giáp xã Yên Nam đến cầu Chui thôn Doãn Đường trong Khu Đại học Nam Cao: Từ nhà thờ Nguyễn Lương đến giáp phường Tiên Nội	1.000
b	Khu vực 2	
	- Đường trục xã: Từ thôn Thượng (giáp phường Tiên Nội) đến Trụ sở UBND xã - Đường trục xã: Từ cổng I48 đến hết địa phận thôn Yên Bảo (giáp xã Tiên Hiệp)	700
c	Khu vực 3	
	Các trục đường xã thôn còn lại	600
15	Xã Yên Nam	
a	Khu vực 1	
	Đường Lũng Xuyên (Đường ĐH05): Từ Trạm Bơm Nách Lôm đến Đình Trắng thôn Thận Y)	1.500
16	Xã Tiên Sơn (xã Đội Sơn, Châu Sơn, Tiên Phong cũ)	
a	Khu vực 1	
	Đường ĐH07: Từ đường QL.37B - Khu Tịch điền đến hết thôn Lĩnh Trung	900
	Đường ĐH07: Từ giáp thôn Lĩnh Trung đến thửa 111; PL8 thôn An Mông 1	750
	Đường đê Bắc Châu Giang: Từ Trường Tiểu học (xã Tiên Phong cũ) đến cầu Câu Tử	

	Đường trục xã: Từ hộ ông Vương (xóm Trung) thôn Trung Thượng (PL01, thửa 09, đầu tuyến đường xã) đến cuối tuyến đường xã (hộ ông Chắt thôn Trung Thượng (PL01, thửa 149- bản đồ xã Châu Sơn cũ)	
b	Khu vực 2	
	Đường đê Bắc Châu Giang: Từ giáp đường ĐT493B thôn Lê Xá đến hộ ông Thọ thôn Lê Xá (PL04; thửa 106 - bản đồ xã Châu Sơn cũ)	600
	Các trục đường xã, thôn (khu vực xã Đọi Sơn cũ)	
c	Khu vực 3	
	Các trục đường xã (khu vực xã Châu Sơn cũ) từ thửa 141, PL4 đến hết xóm Thượng (thôn Trung Thượng)	600
	Đường trục xã: Từ hộ ông Sinh thôn An Mông 2 (PL4, thửa 07) đến hộ bà Yến thôn An Mông 1 (PL9, thửa 34)	550
	Các trục đường thôn, xóm còn lại (thuộc xã Tiên Phong và Châu Sơn cũ)	500

B. BỔ SUNG GIÁ ĐẤT

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

Stt	Tên phường, khu vực, đường, phố và ranh giới khu vực giá	Giá đất
4	Phường Bạch Thượng	
a	Khu vực 1	
	Đường trục chính tổ dân phố Văn Phái (dọc tuyến đường 25m thuộc Khu công nghiệp Đồng Văn I mở rộng)	3.000
8	Phường Châu Giang	
b	Khu vực 2	
	Đường Trần Quốc Toản: Từ giáp đường Trần Quang Khải đến hết địa phận phường Châu Giang (giáp thành phố Hà Nội)	4.000
9	Phường Yên Bắc	
b	Khu vực 2	
	Trục đường từ Đình Lũng Xuyên đến hết địa phận phường Yên Bắc (PL16, thửa 57) giáp phường Hoà Mạc	2.500
6	Phường Duy Hải	
a	Khu vực 1	
	Các trục đường còn lại trong Khu đô thị Đồng Văn Xanh	2.500
17	Các tuyến đường phát sinh mới chưa có tên nêu trên được xác định theo độ rộng, mặt cắt như sau:	
	Xã Mộc Bắc	
	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 17m trở lên	2.000
	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 13m đến dưới 17m	1.500

	Các tuyến đường có mặt cắt ngang từ 9m đến dưới 13m	1.000
	Các tuyến đường có mặt cắt ngang dưới 9m	700

C. ĐIỀU CHỈNH ĐƯA RA KHỎI BẢNG GIÁ ĐẤT

III. GIÁ ĐẤT Ở TẠI CÁC PHƯỜNG, XÃ

Đơn vị tính: 1.000đ/m²

Stt	Tên phường, khu vực, đường, phố và ranh giới khu vực giá	Giá đất	Lí do điều chỉnh đưa ra khỏi Bảng giá đất
1	Phường Đồng Văn		
b	Khu vực 2		
	Đường 22m phía Đông khu đất sân vận động Đồng Văn	5.000	Do trùng vị trí đã được quy định trong Bảng giá đất